

BÁO CÁO TUẦN 15

14/04/2025 – 18/04/2025

*Diễn biến cuộc chiến thuế quan năm 2025
đến ngày 11/04/2025*

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Diễn biến cuộc chiến thuế quan năm 2025 đến ngày 11/04/2025*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *Tâm lý đảo chiều, VN-Index bật tăng từ vùng quá bán*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Công nghệ thông tin +4.32%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	11/04/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5363.36	1.8%	5.7%	-4.2%	3.2%
EU (EURO STOXX 50)	4787.23	-0.7%	-1.9%	-10.7%	-3.6%
Trung Quốc (SHCOMP)	3238.227	0.5%	-3.1%	-4.0%	6.7%
Nhật Bản (NIKKEI)	33585.58	-3.0%	-0.6%	-8.8%	-14.8%
Hàn Quốc (KOSPI)	2432.72	-0.5%	-1.3%	-5.5%	-10.1%
Singapore (STI)	3512.53	-1.8%	-8.2%	-8.4%	8.8%
Thái Lan (SET)	1128.66	-0.5%	0.3%	-2.7%	-19.2%
Phillipines (PCOMP)	6082.44	0.1%	0.0%	-1.8%	-8.9%
Malaysia (KLCI)	1454.76	-0.6%	-3.3%	-2.0%	-6.4%
Indonesia (JCI)	6262.226	0.1%	-3.8%	-6.0%	-14.1%
Việt Nam (VNI)	1222.46	4.6%	1.0%	-8.4%	-2.8%
Việt Nam (HNX)	213.34	2.4%	-1.7%	-11.8%	-10.8%
Việt Nam (UPCOM)	93.25	0.4%	2.3%	-6.1%	2.6%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Các thị trường như tàu lượn trước các quyết định thuế quan của TTg Trump

Các thị trường rơi vào hỗn loạn khi TTg Trump áp dụng thuế bổ sung với các quốc gia, rồi lại tăng mạnh sau quyết định bất ngờ hoãn thuế quan bổ sung 90 ngày vào 9/4 và giảm lại vào 10/4 sau khi Hoa Kỳ áp dụng mức thuế 145% với hàng hóa Trung Quốc. Các thị trường tiền tệ, hàng hóa, trái phiếu đều bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan trong khi vàng lập kỷ lục mới.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng bình quân +3% trong 5 phiên giao dịch tính đến 10/4, EU600 -6.8%, Nikkei 225 -2.3%; CSI 300 -3.6%.
- Chỉ số hàng hóa -5.9%, các mặt hàng giảm trên diện rộng năng lượng (dầu thô, than -3.4%, khí gas -8.2%), , các kim loại (nhôm -3.5%, quặng sắt -4.0%; chì -21%), nông sản (cao su -7%, Cafe -6%, đường -4%) ngoại trừ kim loại quý tăng giá mạnh (Vàng +5.8, Bạc +5.9%)
- Chỉ số DXY -1.3% lùi về dưới ngưỡng 100 điểm trong khi lợi tức TP Hoa Kỳ 10y bật tăng mạnh +0.46% lên mức 4.4%.

Chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ tiếp tục là tâm điểm và tạo kịch tính cho thị trường quốc tế tuần qua. Sau khi áp thuế đối ứng theo lộ trình công bố 9/4, TTg Trump công bố tạm dừng thuế đối ứng trong 90 ngày để đàm phán. Mức thuế hiện đang có hiệu lực gồm 10% thuế các mặt hàng khẩu khẩu và 25% với nhôm, ô tô và hàng loại từ Canada, Mexico không thuộc USMCA. Cuộc chiến thuế quan Hoa Kỳ - Trung leo lên mức thang mới khi Hoa Kỳ đánh thuế 145% với hàng hóa Trung Quốc và Trung Quốc trả đũa với mức thuế 125%. Bên cạnh khoảng lặng để đàm phán giữa Hoa Kỳ và các quốc gia khác, cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ - Trung dự kiến mang nhiều bất ổn và khó lường cho kinh tế thế giới nói chung và các thị trường nói riêng trong thời gian tới.

Biên bản chính sách tiền tệ NHTW Úc; Lãi suất và báo cáo chính sách tiền tệ NHTW Canada và ECB; CPI Anh, EU; Doanh thu bán lẻ và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	11/04/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	3,237.6	1.9%	6.6%	10.3%	36.5%
Bạc	USD/ozt	32.3	3.5%	9.2%	-2.8%	13.6%
Thép HRC	USD/T.	938.0	0.9%	0.6%	-0.6%	10.4%
Nhôm	USD/MT	2,359.8	1.1%	0.6%	-13.2%	-2.0%
Niken	USD/MT	14,869.8	1.9%	2.1%	-9.5%	-15.7%
Quặng sắt	CNY/MT	757.0	0.0%	-5.9%	-4.2%	-9.3%
Dầu Brent	USD/bbl.	64.8	2.3%	-1.3%	-8.7%	-27.8%
Dầu WTI	USD/bbl.	61.5	2.4%	-0.8%	-9.1%	-27.7%
Xăng	Usd/gal.	199.9	1.9%	-2.7%	-7.0%	-27.9%
Than đá	USD/MT	94.9	-1.5%	-2.2%	-6.6%	-26.3%
Đậu tương	Usd/bu.	1,042.8	1.3%	6.7%	5.6%	-10.0%
Cao su	JPY/kg	296.5	-0.9%	-7.5%	-12.6%	-13.6%
Đường	USD/MT	523.0	-0.2%	-2.8%	-1.9%	-16.7%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

Bàng nổ với thông báo hoãn thuế đối ứng, VN-Index thu hẹp đà giảm

Đào chiều sau chuỗi phiên giảm mạnh, VN-Index giữ lại đà tăng 1% trong tuần qua. Thanh khoản tiếp tục tăng mạnh 60% so tuần trước nhờ hoạt động bắt đáy. Thị trường chuyển từ trạng thái hoảng loạn sang tâm lý sợ bỏ lỡ và khối ngoại chuyển trạng thái mua ròng theo đà hồi phục của thị trường.

- Chỉ số hồi phục được 57% số điểm từ vùng đáy. VIC và VHM đóng góp 9.3 điểm tăng trong khi GVR và BCM (các cổ phiếu lớn liên quan đến ngành khu công nghiệp) lấy 3 điểm của thị trường.
- Hoạt động bắt đáy đẩy mạnh khi các chỉ số định giá giảm về mức thấp trong quá khứ, trong đó P/E và PB giảm về lần lượt 11 và 1.4 lần.
- Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng 84 triệu USD giảm mạnh từ mức 340 triệu USD, và có những phiên mua ròng trong xu hướng hồi phục của thị trường.

Hội nghị TW 11 khóa XIII họp trong 3 ngày và kết thúc vào 12/4. Hội nghị cho ý kiến 15 nội dung và tập trung 2 vấn đề quan trọng: (1) Tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp; và (2) Chuẩn bị đại hội Đảng XIV, bầu đại biểu quốc hội và HĐ nhân dân các cấp. Công tác chuẩn bị đại hội sẽ chuẩn bị cho đội ngũ lãnh đạo nhiệm kỳ 2026 – 2031 thì tổ chức lại bộ máy hành chính là tiền đề cho việc xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính tinh từ 63 tỉnh xuống 34 tỉnh trình quốc hội trước 1/5 và đề án sáp nhập xã, phường từ 10,053 còn khoảng 5,000 đơn vị từ vào 30/5. Đây là một trong những nội quan trọng thực hiện tinh hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả và mở thêm không gian để phát triển cho kinh tế xã hội.

Thị trường đang biến động nhanh và phức tạp, NĐT cần chú ý hơn đến quản trị rủi ro, cần nhắc bán trong quá trình thị trường hồi phục, tăng tỷ trọng tiền mặt để ứng phó với những biến động khó lường trong ngắn hạn.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến cuộc chiến thuế quan năm 2025 đến ngày 11/04/2025

Bảng 01. Một số mốc sự kiện chính trong cuộc chiến thuế quan năm 2025 - khởi xướng bởi Hoa Kỳ

Ngày công bố	Ngày có hiệu lực	Quốc gia áp thuế	Quốc gia bị áp thuế	Nội dung
01/02/2025	04/02/2025	Hoa Kỳ	Trung Quốc, Mexico, Canada	- Hoa Kỳ công bố áp thuế 10% lên tất cả hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, 25% lên hàng hóa nhập khẩu từ Mexico, Canada
03/02/2025				- Hoa Kỳ hoãn áp thuế 25% với Mexico và Canada trong 30 ngày
04/02/2025	10/02/2025	Trung Quốc	Hoa Kỳ	- Trung Quốc áp thuế 15% lên than đá và LNG, áp thuế 10% lên dầu thô, máy móc nông nghiệp, ô tô dung tích lớn, xe bán tải nhập khẩu từ Hoa Kỳ
10/02/2025	12/03/2025	Hoa Kỳ	Tất cả quốc gia	- Hoa Kỳ áp thuế 25% lên thép, aluminum nhập khẩu từ tất cả quốc gia
13/02/2025				- Hoa Kỳ tuyên bố đang nghiên cứu để áp dụng thuế đối ứng lên các quốc gia.
04/03/2025		Hoa Kỳ	Trung Quốc	- Hoa Kỳ nâng mức thuế từ 10% lên 20% đối tất cả hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc
	04/03/2025	Hoa Kỳ	Mexico, Canada	- Mức thuế 25% lên hàng hóa nhập khẩu từ Mexico và Canada có hiệu lực sau 30 ngày hoãn (ngoại trừ các mặt hàng thuộc phạm vi USMCA và mặt hàng năng lượng từ Canada được giảm thuế 10%)
04/03/2025	10/03/2025	Trung Quốc	Hoa Kỳ	- Trung Quốc áp thuế từ 10-15% đối với hàng nông sản nhập khẩu từ Hoa Kỳ
26/03/2025	03/04/2025	Hoa Kỳ	Tất cả quốc gia	- Hoa Kỳ công bố áp thuế 25% đối với ô tô
26/03/2025	Hạn cuối: 03/05/2025	Hoa Kỳ	Tất cả quốc gia	- Hoa Kỳ công bố áp thuế 25% đối với phụ tùng ô tô
02/04/2025	05/04/2025		Tất cả quốc gia	- Sắc lệnh ngày 02/04/2025: Hoa Kỳ áp thuế 10% lên tất cả hàng hóa nhập khẩu, ngoại trừ một số trường đặc biệt từ Canada, Mexico
02/04/2025	09/04/2025	Hoa Kỳ	Một số quốc gia	- Sắc lệnh ngày 02/04/2025: Hoa Kỳ áp thuế đối ứng với nhiều quốc gia, trong đó 46% lên hàng hóa nhập khẩu Việt Nam, 34% lên hàng hóa nhập khẩu Trung Quốc. Đối với quốc gia bị áp thuế đối ứng, mức thuế 10% có hiệu lực từ ngày 05/04 sẽ được thay thế bằng mức thuế đối ứng từ ngày 09/04.
04/04/2025	10/04/2025	Trung Quốc	Hoa Kỳ	- Trung Quốc áp thuế 34% cho tất cả hàng hóa nhập khẩu từ Hoa Kỳ
07/04/2025	08/04/2025	Hoa Kỳ	Trung Quốc	- Hoa Kỳ đe dọa sẽ áp thuế bổ sung 50% lên hàng nhập khẩu Trung Quốc nếu Trung Quốc không rút lại thuế 34%
08/04/2025	09/04/2025	Hoa Kỳ	Trung Quốc	- Hoa Kỳ thay thế mức thuế đối ứng 34% có hiệu lực từ ngày 09/04 bằng 84% lên toàn bộ hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, nâng tổng mức thuế lên 104%.
09/04/2025	10/04/2025	Trung Quốc	Hoa Kỳ	- Trung Quốc nâng thuế lên 84% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu từ Hoa Kỳ
09/04/2025	10/04/2025	Hoa Kỳ		- Hoa Kỳ hoãn áp thuế đối ứng 90 ngày (từ 10/04/2025 - 09/07/2025), tạm sử dụng mức thuế 10% cho tất cả các quốc gia (không bao gồm Trung Quốc) bị áp thuế đối ứng ngày 02/04/2025.
09/04/2025	10/04/2025	Hoa Kỳ	Trung Quốc	- Hoa Kỳ thay thế mức thuế đối ứng 84% có hiệu lực ngày 09/04 bằng 125% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc.
11/04/2025	12/04/2025	Trung Quốc	Hoa Kỳ	- Trung Quốc nâng mức thuế nhập khẩu hàng hóa Hoa Kỳ lên 125%
11/04/2025	12/04/2025			- Hoa Kỳ ra hướng dẫn miễn thuế và hoàn thuế "đối ứng" cho các sản phẩm "chất bán dẫn"

Nguồn: BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến cuộc chiến thuế quan năm 2025 đến ngày 11/04/2025

Kể từ khi Hoa Kỳ công bố mức thuế đối ứng đối với nhiều quốc gia ngày 02/04/2025, diễn biến thương mại thế giới đã bước sang trạng thái căng thẳng hơn cả, với tâm điểm là cuộc chiến thuế quan giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới: Hoa Kỳ - Trung Quốc. Trong khoảng hơn một tuần kể từ ngày 02/04/2025, hai quốc gia này đã liên tục công bố những mức thuế mới áp lên hàng hóa nhập khẩu từ đối phương. Tính đến ngày 11/04/2025, mức thuế tối thiểu hai quốc gia này đưa ra đã vượt qua 100%.

Mức thuế Hoa Kỳ đang áp lên hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc: **145%** (mức thuế tối thiểu) đối với tất cả hàng hóa. Các trường hợp ngoại lệ: Các mặt hàng được Hoa Kỳ miễn **thuế công bố trong sắc lệnh ngày 02/04/2025** được quy định tại (1) văn bản "*Clarification of Exceptions Under Executive Order 14257 of April 2, 2025, as Amended*" ngày 11/04/2025 và (2) trong Annex II ban hành kèm sắc lệnh "*Regulating Imports with a Reciprocal Tariff to Rectify Trade Practices that Contribute to Large and Persistent Annual United States Goods Trade Deficits*" ngày 02/04/2025).

Mức thuế Trung Quốc đang áp lên hàng hóa nhập khẩu từ Hoa Kỳ: **125%** (mức thuế tối thiểu) đối với tất cả hàng hóa.

Đối với Việt Nam, hiện tại Việt Nam đang trong giai đoạn 90 ngày hoãn thuế đối ứng 46% (đến hết ngày 09/07/2025) và tạm thời chịu mức thuế đối ứng 10% trong giai đoạn này. Không thuộc nhóm bị áp thuế đối ứng là:

(1) Những hàng hóa được coi là "**Chất bán dẫn**" theo văn bản "*Clarification of Exceptions Under Executive Order 14257 of April 2, 2025, as Amended*" ngày 11/04/2025). Những hàng hóa này chiếm tỷ trọng **31.23%** trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ (chi tiết tại Bảng 02, trang 6).

(2) Những hàng hóa trong Annex II ban hành kèm sắc lệnh "*Regulating Imports with a Reciprocal Tariff to Rectify Trade Practices that Contribute to Large and Persistent Annual United States Goods Trade Deficits*". Sau khi lọc những hàng hóa bị trùng trong nhóm **(1)**, tỷ trọng những hàng hóa này trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ là **0.8%**.

Như vậy, khoảng **32.03%** giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ được miễn thuế công bố trong sắc lệnh ngày 02/04/2025.

* Tài liệu tham khảo

- Báo cáo "**Tác động từ thuế đối ứng của Mỹ đề xuất ngày 02/04/2025**" của BSC Research: [Link](#)
- Clarification of Exceptions Under Executive Order 14257 of April 2, 2025, as Amended: [Link](#)
- Danh sách mặt hàng được miễn thuế công bố trong sắc lệnh ngày 02/04/2025 (Annex II): [Link](#)

CHUYÊN MỤC TUẦN: Diễn biến cuộc chiến thuế quan năm 2025 đến ngày 11/04/2025

Bảng 02. Những mặt hàng được Hoa Kỳ miễn sắc lệnh thuế ngày 02/04/2025

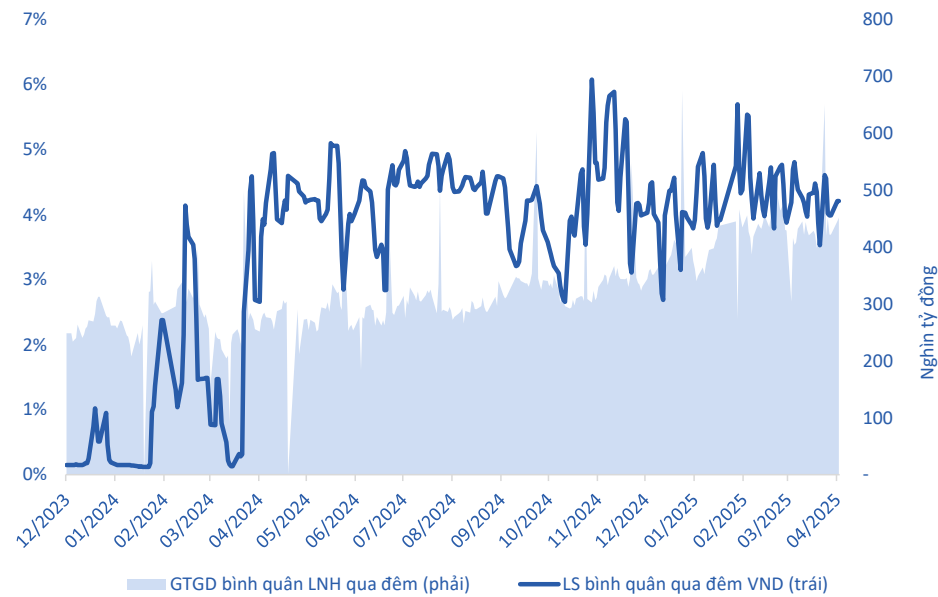
Mã HTS	Tên hàng hóa	Giá trị XK (triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng giá trị Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ
84713001	Máy xử lý dữ liệu kỹ thuật số di động tự động, nặng không quá 10 kg, gồm ít nhất bộ xử lý trung tâm, bàn phím và màn hình	13,010	9.20%
85176200	Máy thu, chuyển đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, chưa được phân loại	11,588	8.19%
85171300	Điện thoại thông minh	7,836	5.54%
84733011	Bộ phận và phụ kiện của máy xử lý dữ liệu tự động và đơn vị không có ống tia âm cực, bảng mạch in; chưa được phân loại	5,758	4.07%
85235100	Thiết bị lưu trữ trạng thái rắn không bay hơi dùng để ghi âm thanh hoặc hiện tượng khác	1,642	1.16%
85423100	Mạch tích hợp điện tử, bộ xử lý và điều khiển, có/không kết hợp bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, bộ khuếch đại, đồng hồ, v.v.	805	0.57%
84716090	Thiết bị nhận dạng bằng thẻ từ hoặc thẻ từ tính	545	0.39%
84718010	Thiết bị điều khiển hoặc bộ điều hợp cho máy xử lý dữ liệu tự động	522	0.37%
85285200	Màn hình, loại chỉ hoặc chủ yếu dùng trong hệ thống xử lý dữ liệu tự động thuộc mã 8471, chưa được phân loại	510	0.36%
84715001	Bộ xử lý kỹ thuật số trừ mã 8471.41 hoặc 8471.49, có thể có cùng vỏ chứa bộ lưu trữ, thiết bị nhập/xuất, chưa được phân loại	429	0.30%
84717060	Bộ lưu trữ khác, chưa được phân loại, không lắp trong tủ để bàn, tường hoặc sàn	246	0.17%
84733051	Bộ phận và phụ kiện của máy mã 8471, chưa được phân loại	203	0.14%
85419000	Bộ phận của diốt, transistor và thiết bị bán dẫn tương tự	179	0.13%
84714101	Máy xử lý dữ liệu kỹ thuật số gồm ít nhất một bộ xử lý trung tâm và một đơn vị nhập/xuất, không có ống tia âm cực, chưa được phân loại	153	0.11%
85249110	Mô-đun hiển thị màn hình tinh thể lỏng (LCD), không dùng cho các sản phẩm mã 8528.59, 8528.69, 8528.72 và 8528.73, chưa được phân loại	107	0.08%
84718040	Đơn vị khác, chưa được phân loại, phù hợp để tích hợp vào máy xử lý dữ liệu tự động hoặc đơn vị của chúng	103	0.07%
84717090	Bộ lưu trữ khác, chưa được phân loại	85	0.06%
84719000	Máy và đơn vị của chúng dùng để xử lý dữ liệu, chưa được phân loại	78	0.06%
84716020	Bộ bàn phím	50	0.04%
85429000	Mạch tích hợp điện tử và bộ phận lắp ráp vi mô	47	0.03%
84864000	Máy và thiết bị để nâng, xử lý, bốc/dỡ boule, wafer, thiết bị bán dẫn, mạch tích hợp điện tử và màn hình phẳng	41	0.03%
84733091	Bộ phận và phụ kiện khác của máy xử lý dữ liệu tự động và đơn vị có ống tia âm cực	36	0.03%
85423200	Mạch tích hợp điện tử, bộ nhớ, chưa được phân loại	35	0.03%
84718090	Đơn vị khác của máy xử lý dữ liệu tự động, chưa được phân loại	35	0.02%
85423900	Mạch tích hợp điện tử, chưa được phân loại	34	0.02%
84716010	Đơn vị nhập/xuất kết hợp, không có ống tia âm cực (CRT), chưa được phân loại	15	0.01%
84869000	Máy và thiết bị để sản xuất boule hoặc wafer, thiết bị bán dẫn, mạch tích hợp điện tử hoặc màn hình phẳng; bộ phận & phụ kiện	11	0.01%

* Ghi chú:

Mã HTS	Tên hàng hóa	Giá trị XK (triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng giá trị Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ
84717020	Bộ đọc đĩa từ có đường kính đĩa vượt quá 21 cm, phù hợp để tích hợp vật lý vào máy xử lý dữ liệu tự động hoặc đơn vị của chúng, chưa được phân loại	10.3	0.01%
85249200	Mô-đun hiển thị OLED (điốt phát sáng hữu cơ), chưa được phân loại	8.0	0.01%
84862000	Máy và thiết bị để sản xuất thiết bị bán dẫn hoặc mạch tích hợp điện tử	6.0	0.00%
85411000	Điốt, không phải loại cảm quang hoặc LED, có dòng điện lớn hơn 0.5 A	5.9	0.00%
84714900	Máy xử lý dữ liệu tự động nhập khẩu dưới dạng hệ thống, chưa được phân loại	5.7	0.00%
84733020	Bộ phận và phụ kiện của bảng mạch in của máy mã 8471, bao gồm mặt nạ và khóa, không có ống tia âm cực	5.7	0.00%
85412900	Transistor không cảm quang, công suất tiêu tán 1 W trở lên, tần số hoạt động nhỏ hơn 30 MHz	5.0	0.00%
84716080	Máy quét quang học và thiết bị nhận dạng mực từ	3.3	0.00%
85249190	Mô-đun hiển thị màn hình tinh thể lỏng, chưa được phân loại	1.7	0.00%
84717040	Bộ đọc đĩa, chưa được lắp trong tủ và không có bộ nguồn bên ngoài	0.8	0.00%
85414980	Bộ cách ly quang học	0.7	0.00%
85241110	Mô-đun hiển thị màn hình tinh thể lỏng, không có mạch điều khiển, không dùng cho các mã 8528.59, 8528.69, 8528.72 và 8528.73	0.5	0.00%
84716070	Đơn vị nhập/xuất, chưa được phân loại, phù hợp để tích hợp vật lý vào máy xử lý dữ liệu tự động hoặc đơn vị của chúng	0.5	0.00%
84717010	Bộ đọc đĩa từ có đường kính đĩa lớn hơn hoặc bằng 21 cm, có đơn vị đọc-ghi nhập riêng	0.4	0.00%
84861000	Máy và thiết bị để sản xuất boule hoặc wafer	0.3	0.00%
84717050	Bộ đọc đĩa từ, chưa được phân loại	0.2	0.00%
85249900	Mô-đun hiển thị màn hình phẳng, chưa được phân loại	0.1	0.00%
85415900	Thiết bị bán dẫn, chưa được phân loại	0.1	0.00%
85241200	Mô-đun hiển thị OLED không có mạch điều khiển hoặc điều khiển trung tâm	0.1	0.00%
85241190	Mô-đun hiển thị tinh thể lỏng không có mạch điều khiển, chưa được phân loại	0.1	0.00%
85414910	Điốt cảm quang, chưa được phân loại	0.1	0.00%
85412100	Transistor không cảm quang, công suất tiêu tán dưới 1 W, tần số hoạt động nhỏ hơn 100 MHz	0.1	0.00%
85423300	Mạch tích hợp điện tử, bộ khuếch đại	0.0	0.00%
85414995	Thiết bị bán dẫn cảm quang, chưa được phân loại	0.0	0.00%
85415100	Bộ chuyển đổi bán dẫn	0.0	0.00%
Tổng		44,159.9	31.23%

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 6	140,738.2	102,633.6	(38,104.7)	99,936.2
Tuần 7	90,813.7	56,658.4	(34,155.3)	65,780.9
Tuần 8	93,479.5	90,370.0	(3,109.5)	62,671.4
Tuần 9	47,958.5	47,100.1	(858.4)	61,813.0
Tuần 10	35,935.6	60,381.3	24,445.7	86,258.8
Tuần 11	76,252.2	70,842.7	(5,409.5)	80,849.3
Tuần 12	52,296.4	53,094.9	798.5	81,647.7
Tuần 13	49,964.1	64,201.7	14,237.6	95,885.3
Tuần 14	50,133.8	74,054.0	23,920.3	119,805.5

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.21%	4.44%	4.59%	5.02%
So với tuần trước	-0.02%	+0.03%	+0.01%	+0.34%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	449,140.0	7,072.5	10,745.0	5,130.5
So với tuần trước	-5.13%	-92.68%	+191.19%	+91.12%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 09/04/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 14, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 74,054.0 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 23,920.3 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng thu hẹp biên độ dao động, ổn định trong vùng 4.0% - 4.5%.

PTKT: Tâm lý đảo chiều, VN-Index bật tăng từ vùng quá bán

Đồ thị ngày: VN-Index rơi xuống dưới trước kênh giá trung hạn cũng như chạm ngưỡng 78.6% của chu kỳ trung hạn trước khi bất ngờ tăng trở lại. Chỉ số có liên 3 phiên tăng điểm để gần như lấp gap giá 1228 điểm của phiên 4/4. Thanh khoản tăng vọt giờ lực cầu bắt đáy ở nhịp bán tháo và hoạt động mua bù sau hiên tiết cung 10/4. Các chỉ báo kỹ thuật đã thoát khỏi vùng quá bán.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 20 lên 43 điểm.
- MACD giảm dưới đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 60% với giao dịch tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA 20, SMA 50, 100, 200.

Kết luận: Thông tin hoãn thuế quan là yếu tố đảo chiều tâm lý, kích thích hoạt động mua vào tại vùng giá thấp. VN-Index hồi phục được hơn 60% so với điểm thấp nhất của đợt bán tháo và đang vận động cạnh bên phải của mô hình chữ V. Tuy nhiên chỉ số cần lấp gap giá tại 1228 điểm và sau đó SMA 200 tại 1,265 điểm để thoát ra khỏi vùng biến động mạnh. Diễn biến tuần qua dù sao cũng là tín hiệu tích cực, cho thấy lượng cầu bắt đáy vùng giá thấp khá tốt. Dù vậy diễn biến thị trường vẫn đang phụ thuộc khác nhiều thông tin thuế quan và tâm lý thị trường có thể đảo chiều nhanh chóng khi xuất hiện những thông tin tiêu cực ở vùng biến động này.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
VIC	11.66	6.23
VHM	6.36	3.15
FPT	4.87	1.94
SAB	13.03	1.74
TCB	3.50	1.52
MBB	4.45	1.46
BID	2.08	1.26
ACB	4.41	1.12
LPB	3.79	0.89
SSB	4.17	0.55
Tổng		19.86

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
GVR	-5.97	-1.58
BCM	-8.85	-1.44
VNM	-1.71	-0.50
HPG	-1.22	-0.46
SIP	-12.08	-0.45
BSR	-3.58	-0.45
VGC	-9.56	-0.43
VCB	-0.33	-0.40
CTG	-0.78	-0.39
KBC	-7.24	-0.34
Tổng		-6.44

Khối ngoại mua ròng

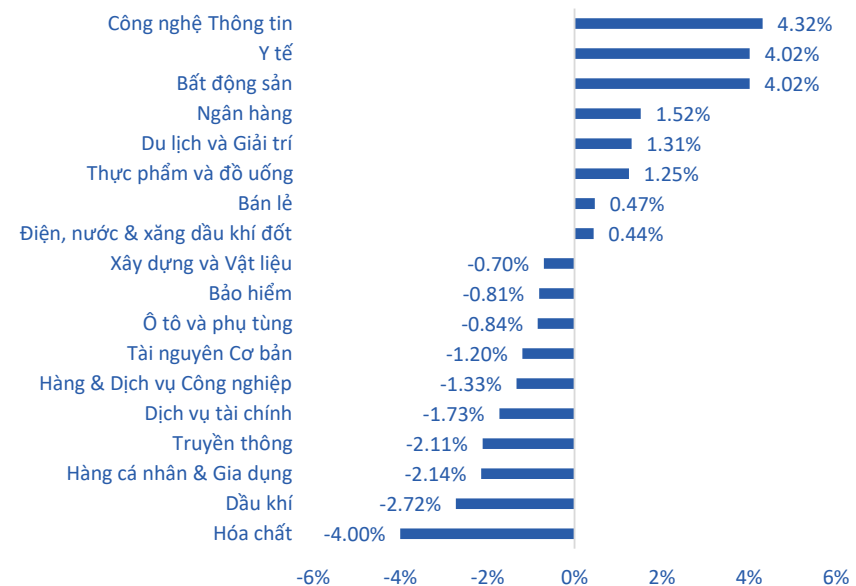
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
MWG	603.99
HPG	335.55
TCB	245.52
ACB	244.11
VIC	179.94
SAB	97.88
HVN	88.04
VND	79.77
DGC	64.00
DXG	63.68
Tổng	2,002.48

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
VHM	-506.62
MBB	-384.10
VCB	-369.16
STB	-331.27
VNM	-281.80
KBC	-251.98
SSI	-174.85
TLG	-171.13
QNS	-154.90
MSN	-137.35
Tổng	-2763.15

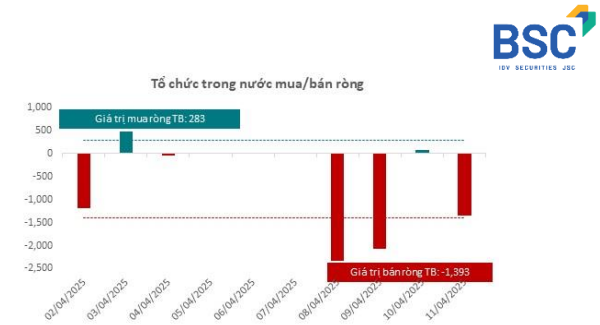
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Công nghệ Thông tin	5.16%	4.32%	-14.19%
Y tế	2.22%	4.02%	-5.92%
Bất động sản	3.82%	4.02%	6.28%
Ngân hàng	5.22%	1.52%	-7.28%
Du lịch và Giải trí	3.91%	1.31%	-6.09%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NGT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
FUEVFN30	927,700	22.75	FPT	7,728,456	(827.14)	MWG	12,525,831	603.99	VHM	10,557,043	(506.62)	MBB	42,237,163	862.52	VIC	2,996,174	(190.38)
VND	1,576,229	22.24	MWG	11,505,500	(562.13)	HPG	13,651,467	335.55	MBB	19,740,793	(384.10)	STB	23,833,174	839.78	VND	9,392,652	(130.51)
E1VFN30	807,800	13.98	MBB	18,489,568	(395.56)	TCB	9,809,137	245.52	VCB	6,707,012	(369.16)	FPT	6,554,862	675.12	HPG	3,127,069	(99.51)
VCG	454,667	9.53	HPG	13,003,718	(299.22)	ACB	9,988,260	244.11	STB	9,439,224	(331.27)	ACB	30,887,776	669.90	HVN	3,074,486	(84.14)
PC1	300,274	5.94	TCB	11,837,004	(290.70)	VIC	2,868,284	179.94	VNM	5,193,443	(281.80)	VHM	11,015,485	533.01	DXG	6,053,480	(79.62)
DXG	330,357	4.50	GEX	10,076,017	(222.68)	SAB	2,099,595	97.88	KBC	10,858,292	(251.98)	VCB	8,574,213	475.82	DCM	2,877,238	(77.04)
DPM	118,994	3.90	STB	5,625,900	(193.74)	HVN	3,221,086	88.04	SSI	7,536,085	(174.85)	VPB	24,837,384	400.48	CTD	1,013,868	(71.28)
CII	277,661	2.92	VNM	3,262,000	(179.64)	VND	5,783,679	79.77	TLG	3,755,680	(171.13)	VNM	7,310,503	399.86	BMP	540,731	(61.18)
HCM	77,175	2.45	CTG	4,601,701	(163.71)	DGC	820,702	64.00	MSN	2,693,113	(137.35)	KBC	16,815,492	384.83	SAB	1,184,195	(56.83)
BCG	670,468	2.10	VHM	2,944,300	(146.10)	DXG	5,020,683	63.68	VRE	7,073,286	(128.29)	MSN	4,485,751	229.85	PLX	1,504,474	(50.82)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	52.9	7.0%	1.6	77,313	727	2,544	20.8		46.3%	
KBC	Bất động sản	23.7	0.0%	1.70	18,192	800	498	47.6		18.7%	
KDH	Bất động sản	27.5	6.2%	1.24	27,806	212	863	31.9		35.9%	
PDR	Bất động sản	17.0	5.6%	1.86	14,843	334	191	89.1	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	53.5	3.3%	0.92	219,747	770	7349	7.3	58,200	12.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	118.5	5.2%	0.99	174,322	2240	5371	22.1	163,000	41.8%	Link
BSR	Dầu khí	16.2	3.9%	0.00	50,073	122	204	79.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	24.2	3.0%	1.35	11,567	243	2238	10.8	40,300	16.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.8	5.5%	1.56	19,259	609	1571	17.0		42.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.5	6.6%	1.47	46,006	1489	1536	15.3		36.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.3	6.0%	1.58	26,067	558	1537	23.6		29.6%	
DCM	Hóa chất	28.8	6.9%	1.54	15,247	129	2682	10.7	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	83.6	6.9%	1.42	31,749	253	7864	10.6	111,400	15.5%	Link
ACB	Ngân hàng	24.9	6.7%	0.70	110,996	1077	3759	6.6	30,400	29.7%	Link
BID	Ngân hàng	36.8	5.9%	0.82	258,035	252	3637	10.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.4	6.2%	1.01	206,208	761	4720	8.1		26.8%	
HDB	Ngân hàng	20.7	6.4%	1.07	72,348	376	3667	5.6		17.0%	
MBB	Ngân hàng	23.5	6.4%	0.97	143,098	1809	3729	6.3	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.1	3.3%	1.16	28,730	250	2123	5.2	14,000	27.4%	Link
STB	Ngân hàng	37.9	6.9%	1.10	71,355	1694	5351	7.1		21.1%	
TCB	Ngân hàng	26.6	5.4%	1.14	187,925	1484	3054	8.7	31,400	22.4%	Link
TPB	Ngân hàng	13.2	5.6%	0.86	34,874	341	2298	5.7	-	23.9%	Link
VCB	Ngân hàng	59.8	6.6%	0.66	499,669	477	4049	14.8		22.5%	
VIB	Ngân hàng	18.7	3.0%	1.13	55,561	304	2424	7.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.5	2.4%	1.02	138,447	1054	1989	8.8	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	24.3	6.8%	1.19	155,429	1858	1879	12.9	37,500	21.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.5	2.5%	1.70	9,004	227	935	15.5	22,700	7.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.1	6.8%	1.45	8,383	326	2712	9.2	31,000	2.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	57.1	6.1%	1.58	82,130	785	1345	42.5		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.5	3.4%	0.72	120,172	523	4494	12.8		49.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	32.9	7.0%	1.7	7,211	128.5	2,042	16.1	18.60%	15.94%	Link
FRT	Bán lẻ	141.9	6.9%	1.0	19,333	102.5	2,331	60.9	31.90%	18.09%	
BVH	Bảo hiểm	44.0	5.3%	0.9	32,662	48.5	2,843	15.5	26.67%	9.60%	
DIG	Bất động sản	16.7	4.4%	1.6	10,154	424.2	188	88.7	2.29%	1.48%	
DXG	Bất động sản	14.0	6.5%	1.6	12,192	421.5	350	40.0	20.40%	2.58%	Link
HDC	Bất động sản	23.0	2.7%	1.2	4,102	304.9	384	59.9	2.62%	3.14%	
HDG	Bất động sản	22.0	4.5%	1.4	7,399	91.0	1,036	21.2	19.76%	5.80%	
IDC	Bất động sản	38.1	1.1%	1.2	12,573	406.9	6,049	6.3	20.31%	37.70%	
NLG	Bất động sản	29.3	5.6%	1.3	11,283	235.6	1,346	21.8	37.39%	5.43%	Link
SIP	Bất động sản	65.5	-5.1%	0.0	13,790	231.0	5,584	11.7	6.03%	29.60%	
SZC	Bất động sản	32.9	-1.8%	1.4	5,922	231.2	1,809	18.2	2.82%	12.48%	Link
TCH	Bất động sản	16.3	6.2%	1.4	10,892	266.6	1,466	11.1	8.73%	10.79%	Link
VIC	Bất động sản	65.1	6.9%	0.9	248,920	851.5	3,069	21.2	9.18%	9.48%	
VRE	Bất động sản	19.4	0.8%	1.2	44,083	315.9	1,802	10.8	19.45%	10.27%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.0	7.0%	0.8	6,973	52.2	1,478	22.3	36.14%	11.44%	
PLX	Dầu khí	35.4	6.8%	0.9	44,915	127.6	2,274	15.5	17.53%	11.12%	Link
PVD	Dầu khí	18.0	1.1%	1.4	10,006	162.9	1,255	14.3	8.13%	4.58%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	42.7	4.8%	1.8	13,063	413.5	1,869	22.9	29.78%	14.62%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.3	7.4%	1.8	15,064	239.1	1,583	16.6	7.05%	12.45%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.1	7.0%	0.7	136,109	129.9	4,439	13.1	1.75%	16.73%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.3	6.6%	1.0	26,463	183.4	475	23.8	3.79%	3.51%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.5	3.5%	1.0	31,793	125.8	4,237	15.9	49.00%	11.01%	
VJC	Du lịch và Giải trí	85.4	1.0%	0.6	46,254	103.4	2,632	32.4	12.72%	8.87%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.9	4.6%	1.8	19,638	500.2	1,910	12.0	10.65%	12.38%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.0	1.9%	1.1	19,329	300.1	4,611	10.0	40.87%	13.89%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.0	5.8%	1.4	6,625	120.8	4,406	11.6	10.48%	21.91%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.3	2.0%	1.2	7,227	118.8	3,071	6.6	12.09%	15.05%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.0	4.0%	0.0	13,640	207.8	3,146	35.6	6.59%	24.15%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	71.7	6.9%	0.8	24,228	262.2	6,300	11.4	47.15%	20.06%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.7	6.7%	0.86	3,229	124.4	2710	11.7	49.85%	12.96%	

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.2	1.3%	1.3	1,986	63.2	2,568	6.3	16.44%	17.4%	
DPM	Hóa chất	31.8	6.9%	1.5	12,444	147.8	1,374	23.1	8.48%	4.8%	Link
GVR	Hóa chất	26.0	1.6%	1.9	104,000	267.3	997	26.1	0.77%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	17.8	6.9%	0.9	33,156	203.0	1,786	10.0	3.75%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	34.2	1.5%	0.9	102,165	235.2	3,254	10.5	0.79%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.8	0.9%	0.0	23,059	20.2	2,702	6.2	1.82%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	10.8	4.9%	1.1	26,507	56.5	1,287	8.4	19.30%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.5	1.6%	1.7	5,572	235.7	1,364	9.1	5.36%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.2	6.8%	1.5	3,768	30.6	180	78.8	0.56%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.3	4.0%	0.8	9,516	187.1	1,533	20.4	4.30%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.0	3.9%	1.0	62,846	193.5	3,376	14.5	59.31%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.0	-3.0%	1.2	10,998	176.9	5,463	9.0	24.37%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	124.8	2.3%	0.8	10,216	64.5	12,103	10.3	83.04%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	73.5	6.8%	1.4	7,345	227.3	3,734	19.7	48.77%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.5	7.0%	1.2	9,666	132.4	4,705	18.0	7.82%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	47.3	4.8%	1.4	2,980	54.7	3,553	13.3	7.46%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.4	6.5%	1.7	4,928	151.1	987	11.6	6.89%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.0	6.4%	1.3	7,493	49.9	1,307	16.0	16.24%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.8	6.9%	1.6	12,451	345.7	1,548	13.4	6.50%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	38.3	-2.3%	1.5	17,172	108.3	2,464	15.5	5.69%	13.7%	

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: **RESP BSC ResearchV <GO>**

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký